



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 38:2011/BTNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT
BẢO VỆ ĐỜI SỐNG THỦY SINH**

*National technical regulation on Surface Water Quality
for protection of aquatic lifes*

HÀ NỘI - 2011

Lời nói đầu

QCVN 38:2011/BTNMT do *Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước* biên soạn, Tổng cục Môi trường, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt, ban hành theo Thông tư số 43/2011/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT BẢO VỆ ĐỜI SỐNG THỦY SINH**

***National technical regulation on Surface Water Quality
for protection of aquatic lifes***

1. QUY ĐỊNH CHUNG

Phạm vi áp dụng

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt dùng cho mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh.

Quy chuẩn này áp dụng để đánh giá và kiểm soát chất lượng nước mặt phù hợp và an toàn đối với đời sống thủy sinh.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Giá trị giới hạn của các thông số trong nước mặt dùng cho mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt dùng cho mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH		6,5 - 8,5
2	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	0,02
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	5
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	1
8	Xyanua (CN ⁻)	mg/l	0,01

Handwritten signature

9	Asen (As)	mg/l	0,02	
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,005	
11	Chì (Pb)	mg/l	0,02	
12	Crom VI	mg/l	0,02	
13	Đồng (Cu)	mg/l	0,2	
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,001	
15	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	µg/l		
	Aldrin			3,0
	Chlordane			2,4
	DDT			1,1
	Dieldrin			0,24
	Endrin			0,09
	Heptachlor			0,52
Toxaphene	0,73			
16	Hóa chất trừ cỏ	mg/l		
	2,4 D			0,2
	2,4,5 T			0,1
	Paraquat			1,2
17	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	0,05	
18	Phenol (tổng số)	mg/l	0,005	
19	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,2	

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

3.1. Lấy mẫu để xác định giá trị các thông số trong nước dùng cho mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh thực hiện theo các tiêu chuẩn quốc gia sau:

Handwritten signature

- TCVN 6663-1 (ISO 5667-1: 2006) - Chất lượng nước- Lấy mẫu.
Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.

- TCVN 6663-3:2008 (ISO 5667-3:2003) - Chất lượng nước- Lấy mẫu. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

- TCVN 5994:1995 (ISO 5667-4:1987) - Chất lượng nước - Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu ở hồ ao tự nhiên và nhân tạo.

- TCVN 6663-6:2008 (ISO 5667-6:2005) - Chất lượng nước - Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu ở sông và suối.

3.2. Phương pháp phân tích xác định các thông số chất lượng nước thực hiện theo hướng dẫn của các tiêu chuẩn quốc gia:

- TCVN 6492-2011 (ISO 10523-2008) - Chất lượng nước – Xác định pH.

- TCVN 7324-2004. Chất lượng nước – Xác định oxy hoà tan - Phương pháp iod.

- TCVN 6625-2000 (ISO 11923-1997) - Chất lượng nước- Xác định chất rắn lơ lửng bằng cách lọc qua cái lọc sợi thủy tinh.

- TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304-1:2007) Chất lượng nước – Xác định các anion hòa tan bằng phương pháp sắc kí lỏng ion – Phần 1: Xác định bromua, clorua, florua, nitrat, nitrit, phosphat và sunphat hòa tan.

- TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984) - Chất lượng nước – Xác định nitrit. Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử.

- TCVN 6180-1996 (ISO 7890-3-1988) - Chất lượng nước – Xác định nitrat - Phương pháp trắc phổ dùng axit sunfosalixylic.

- TCVN 5988-1995 (ISO 5664-1984) - Chất lượng nước - Xác định amoni - Phương pháp chưng cất và chuẩn độ.

Ambar

- TCVN 6620:2000 Chất lượng nước - Xác định amoni - Phương pháp điện thế.

- TCVN 7877:2008 (ISO 5666 -1999) Chất lượng nước - Xác định thủy ngân.

- TCVN 6193-1996 (ISO 8288-1986) - Chất lượng nước – Xác định coban, niken, đồng, kẽm, cadimi và chì. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa.

- TCVN 6197–1996 (ISO 5961-1994) - Chất lượng nước – Xác định cadimi bằng phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử.

- TCVN 6626-2000 (ISO 11969-1996) - Chất lượng nước – Xác định asen. Phương pháp đo hấp thụ nguyên tử (kỹ thuật hydrua).

- TCVN 6658:2000 (ISO 11083:1994), Chất lượng nước – Xác định crom (VI) – Phương pháp đo phổ dùng 1,5-Diphenylcacbazid.

- TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007)- Chất lượng nước – Xác định nguyên tố chọn lọc bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP-OES).

- TCVN 7876:2008, Nước – Xác định hàm lượng thuốc trừ sâu clo hữu cơ – Phương pháp sắc ký khí chiết lỏng-lỏng.

- TCVN 6216-1996 (ISO 6439–1990) - Chất lượng nước - Xác định chỉ số phenol. Phương pháp trắc phổ dùng 4-aminoantipyrin sau khi chưng cất.

- TCVN 6336-1998 (ASTM D 2330-1988) - Phương pháp thử chất hoạt động bề mặt bằng metylen xanh.

Các thông số quy định trong Quy chuẩn này chưa có tiêu chuẩn quốc gia hướng dẫn phương pháp phân tích thì áp dụng các tiêu chuẩn phân tích tương ứng của các tổ chức quốc tế.

3.3. Chấp nhận các phương pháp phân tích có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn các tiêu chuẩn viện dẫn ở mục 3.2.

Ambro

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Quy chuẩn này áp dụng thay thế cho TCVN 6774:2000 - Chất lượng nước - Tiêu chuẩn chất lượng nước ngọt bảo vệ thủy sinh trong Danh mục các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 35/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 25 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

4.2. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.3. Trường hợp các tiêu chuẩn quốc gia viện dẫn trong Quy chuẩn này sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản

mới.
Hmbao